

Số: 312/2019/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 288/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2019 giữa:

* *Nguyên đơn*: Anh Lò Thế H, sinh năm 1989;
ĐKKHKT: Thôn B, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.
Nơi ở hiện nay: Số nhà 3, đường N, tổ 6, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn*: Chị Đỗ Thị Ngọc Q, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Số nhà 3, đường N, tổ 6, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lò Thế H và chị Đỗ Thị Ngọc Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao con chung Lò Gia H, sinh ngày 09/5/2015 cho chị Đỗ Thị Ngọc Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lò Thế H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng, kể từ

tháng 11 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Vay nợ chung:* Các đương sự định nhận không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Anh Lò Thế H tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002959 ngày 07/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Anh H đã nộp đủ án phí.

Chị Đỗ Thị Ngọc Q không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (2 bản);
- THADS TP. Tuyên Quang;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường Y (để biết);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Hoàng Mạnh Tuấn

